

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN DI SẢN

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị tài nguyên di sản
 - + Tiếng Anh: Heritage Resources Management
- Mã số ngành: 7900205
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị tài nguyên di sản
 - + Tên tiếng Anh: Bachelor in Heritage Resources Management
- Đơn vị đầu mối tổ chức đào tạo: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Triết lí của chương trình đào tạo

Với tiếp cận mở về di sản, coi di sản là nguồn tài nguyên, là thực thể sống động trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia, việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ bảo tồn và phát huy các giá trị di sản rất cần có tư duy tổng thể, tiếp cận liên ngành và sự năng động trong việc kết nối kiến thức học thuật với nhu cầu thực tiễn của xã hội. Do đó, một chương trình đào tạo ở bậc cử nhân về di sản không chỉ cần cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nền tảng, thiết yếu liên quan đến di sản như lịch sử, văn hóa, xã hội, khảo cổ... mà còn cần trang bị cho người học kỹ năng quản trị, tư duy kinh tế, khả năng kết nối, điều phối, tư duy khởi nghiệp... để từ đó tạo nên các giá trị gia tăng cho di sản. Theo cách tiếp cận này, người học về di sản không chỉ biết cách nghiên cứu mang tính hàn lâm mà còn cần khả năng tác nghiệp trong thực tiễn, khả năng sử dụng và phối hợp linh hoạt các phương pháp, công cụ phù hợp, đặc biệt là công nghệ số trong việc ứng xử với di sản. Nhận diện được những vấn đề trên, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị

tài nguyên di sản được xây dựng với triết lí đào tạo: *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho quản trị tài nguyên di sản với tiếp cận liên ngành, phục vụ bảo tồn và phát huy các giá trị di sản theo hướng bền vững.*

2.2. Mục tiêu chung

- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có tiếp cận hiện đại về di sản, có khả năng tác nghiệp trong thực tiễn bảo tồn và phát huy các giá trị di sản theo hướng bền vững; có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và khả năng hội nhập quốc tế.

2.3. Mục tiêu cụ thể: *Cung cấp nguồn nhân lực làm việc về di sản có:*

- Tư duy tổng thể và tiếp cận liên ngành trong các chủ đề liên quan đến di sản;
- Kiến thức nền tảng về di sản như khảo cổ, lịch sử, văn hóa, địa lí, kiến trúc, cảnh quan và các công ước, luật pháp, quy định liên quan đến di sản;
- Khả năng phối hợp các kiến thức về quản trị, marketing, truyền thông, kinh doanh trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản;
- Khả năng sử dụng hợp lí các nền tảng, công nghệ, phương pháp, công cụ trong các tác nghiệp quản lí, thực hành và nghiên cứu di sản;
- Khả năng kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan và khả năng phát triển, thực thi các ý tưởng mang tính sáng tạo, khởi nghiệp về di sản;
- Có đạo đức và trách nhiệm xã hội trong quản lí, tác nghiệp và nghiên cứu di sản.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo Đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

- Khái quát được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, hệ thống lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật của Việt Nam;
- Khái quát được về tài nguyên di sản thế giới trong bối cảnh phát triển toàn cầu;
- Khái quát được các loại hình di sản và tài nguyên di sản của Việt Nam;

- Kiến thức nền tảng về di sản như văn hóa, lịch sử, khảo cổ, kiến trúc, địa lí, sinh thái cảnh quan;
- Phân tích được đặc điểm, vai trò của di sản và các nguồn lực di sản trong mối tương quan với các ngành khác như kinh doanh, công nghệ, công nghiệp sáng tạo, thương hiệu;
- Mô tả được thực trạng quản lí nguồn lực di sản hiện nay và xác định được các tiềm năng phát triển và thách thức trong quản lí và tác nghiệp liên quan đến di sản Việt Nam;
- Vận dụng được các nguyên lí quản trị, nguyên lí kinh doanh, nguyên lí marketing, truyền thông và chính sách, thể chế, pháp luật liên quan trong quản lí nguồn lực di sản;
- Vận dụng được các kiến thức và nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong nghiên cứu, tác nghiệp và quản lí di sản;
- Ứng dụng được các công nghệ, phương pháp, kĩ thuật, đặc biệt là công nghệ số, trong nghiên cứu, tác nghiệp và quản trị tài nguyên di sản;
- Phân tích và đánh giá được các yếu tố thị trường trong việc phát triển hài hòa và tối ưu công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo hướng bền vững;
- Vận dụng được các kiến thức về thiết kế, điều hành các chương trình, sự kiện liên quan đến nghiên cứu, tác nghiệp, quảng bá và phát huy giá trị di sản;
- Phát triển ý tưởng và triển khai được các dự án đổi mới sáng tạo về di sản;
- Huy động được sự tham gia của các bên liên quan và cộng đồng trong nghiên cứu và quản lí nguồn lực di sản;
- Tích hợp được kiến thức về đạo đức trong nghiên cứu, kinh doanh và tác nghiệp di sản và trách nhiệm xã hội trong các hoạt động liên quan đến di sản trong thực tiễn.

2. Kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Nhận diện các vấn đề liên ngành trong quản trị tài nguyên di sản;
- Sử dụng các phương pháp, công cụ và kĩ thuật phù hợp trong nghiên cứu, quản lí và tác nghiệp liên quan đến di sản như bảo tàng, diễn giải di sản, lập hồ sơ di sản;

- Xây dựng và triển khai các hoạt động để phát huy tối đa nguồn lực di sản;
- Điều phối, quản lí các nguồn lực và áp dụng các thay đổi phù hợp trong hoạt động nghiên cứu, tác nghiệp và phát huy giá trị di sản;
- Thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành các sự kiện văn hóa, xã hội, du lịch liên quan đến di sản;
- Phân tích, ra quyết định và quản trị rủi ro trong tổ chức, điều hành các hoạt động nghiên cứu và tác nghiệp di sản;

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá, làm việc nhóm, làm việc độc lập, đàm phán;
- Kỹ năng phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo;
- Kỹ năng xây dựng dự án và triển khai dự án phát triển;
- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu trong việc đưa ra các thống kê hoặc phục vụ ra quyết định;
- Năng lực sáng tạo, tư duy thiết kế, tư duy phản biện, khả năng phát triển các ý tưởng và dự án khởi nghiệp và giải quyết các vấn đề cấp thiết của xã hội.
- Sử dụng các công cụ phù hợp trong giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch, dự án;
- Khả năng đưa ra quyết định trong các tình huống bất định;
- Khả năng đúc rút bài học từ kinh nghiệm, trải nghiệm trong học tập và thực hành, thực tập;
- Tìm kiếm và vận động các nguồn quỹ tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và tác nghiệp di sản;
- Thể hiện năng lực cá nhân và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp cho bản thân;
- Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập, giao tiếp ở mức tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;
- Chia sẻ kiến thức và học tập suốt đời.

3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

- Đánh giá về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế và quản lí;
- Lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;
- Đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức ở quy mô trung bình.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- Chấp hành các quy tắc công cộng.
- Có ý thức xây dựng đất nước, hành động vì lợi ích chung.
- Phẩm chất đạo đức cá nhân
 - Trung thành với Tổ quốc, với tổ chức, cơ quan, tôn trọng pháp luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức cộng đồng tốt.
 - Trung thực, thẳng thắn, biết tôn trọng người khác và chính mình, có trách nhiệm xã hội cao đối với bản thân và với mọi người, dám làm và dám chịu, không sợ khó khăn, gian khổ.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với vị trí và môi trường làm việc liên quan tới công nghệ thông tin; Có thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp.
- Có bản lĩnh khoa học và thái độ chuyên nghiệp, nghiêm túc, có hành vi ứng xử độc lập, chủ động trong công việc;
- Có phẩm chất kiên trì, linh hoạt, nhiệt tình, say mê, luôn có tư duy phản biện, sáng tạo để thể hiện kiến thức và năng lực của mình;
- Có ý thức lắng nghe và luôn hướng tới việc hoàn thiện bản thân trong công việc và cuộc sống; có tinh thần chia sẻ, phổ biến kiến thức với cộng đồng;
- Luôn đề cao tinh thần trách nhiệm với xã hội, sống và làm việc theo pháp luật;

- Có ý thức sáng tạo và đổi mới trong công tác chuyên môn của mình nói riêng và các vấn đề xã hội nói chung.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Chân thành, độ lượng; Tôn trọng luật lệ và tính đa dạng xã hội;
- Có nhận thức và ứng xử hướng đến sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần xây dựng nước Việt Nam dân chủ, công bằng, văn minh.

4.4. Tinh thần, thái độ

- Chính trực, kiên trì, linh hoạt; khả năng tư duy sáng tạo, ham tìm hiểu;
- Tôn trọng sự đa dạng của các chủ thể di sản và các bên liên quan;
- Tinh thần trách nhiệm trong học tập và làm việc; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong học tập và làm việc liên quan đến di sản;
- Chủ động học hỏi, tự nghiên cứu và nâng cao năng lực chuyên môn để có thể thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Quản trị tài nguyên di sản có thể làm việc ở cả khối nhà nước, khối tư nhân và khối phi chính phủ, cụ thể tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức như:

- Các cơ quan quản lí di sản: Văn phòng chính phủ, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các chuyên viên thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; Bộ Ngoại giao, Ủy ban Văn hóa đối ngoại; các đơn vị, cơ quan có chức năng hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách trong khối nhà nước và tư nhân.

- Khối các cơ quan thực hành liên quan đến di sản: bảo tàng, thư viện; Các Ban quản lí di tích và danh thắng các cấp; Các vườn quốc gia; Các doanh nghiệp liên quan đến di sản.

- Các doanh nghiệp, đơn vị dịch vụ của công nghiệp di sản trong khối nhà nước và tư nhân.

- Các cơ quan nghiên cứu và đào tạo về di sản: giảng dạy, nghiên cứu về di sản.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí và truyền thông và các tổ chức phi chính phủ.

- Các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng thực hành di sản từ thấp đến cao, các tổ chức quốc tế liên quan đến di sản.

Với khả năng làm việc tại các cơ quan, tổ chức như trên, một số nhóm nghề nghiệp theo chuyên môn bao gồm tham gia nghiên cứu, tham gia quản lý di sản, tác nghiệp trực tiếp về di sản (bảo tồn, bảo tàng, lập hồ sơ...); phát huy giá trị di sản, tư vấn về di sản. Cụ thể:

- Chuyên viên bảo tàng, bảo tồn, trùng tu;
- Cán bộ quản lý văn hóa, quản lý khu di tích, khu bảo tàng, khu bảo tồn;
- Cán bộ nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, lượng giá kinh tế di sản;
- Chuyên viên quảng bá di sản, tổ chức sự kiện, du lịch di sản cho các doanh nghiệp làm về di sản, du lịch;
- Cán bộ nghiên cứu, cán bộ làm các dự án phát triển về di sản, văn hóa, du lịch trong các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ hoặc các doanh nghiệp.
- Khởi nghiệp liên quan đến di sản.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Quản trị tài nguyên di sản có thể học lên cao học chuyên ngành Di sản học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa... và các chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp khác trong hệ thống các chuyên ngành hiện được phép đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh*): **130 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh*): 16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 19 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 15 tín chỉ
 - + Tự chọn: 4 tín chỉ/ 10 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành: 24 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - + Tự chọn: 6 tín chỉ/ 12 tín chỉ

- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 22 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - + Tự chọn: 4 tín chỉ/10 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ: 49 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 20 tín chỉ
 - + Tự chọn: 8 tín chỉ/ 28 tín chỉ
 - + Thực tập nghề nghiệp: 15 tín chỉ
 - + Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính số TC các học phần GDTC, QPAN)	16				
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6.		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>					
	FLF1307	Tiếng Pháp B1					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>French B1</i>					
	FLF1407	Tiếng Trung B1 Chinese B1					
7.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8.		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	19				
II.1		Học phần bắt buộc	15				
9.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	3	42	3	0	
10.	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3	35	10	0	
11.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương <i>Overview of Vietnam History</i>	3	42	3	0	
12.	SIS2001	Nguyên lí Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	30	15	0	
13.	GEO1050	Khoa học Trái đất và sự sống <i>Earth and Life Science</i>	3	30	10	5	
II.2		Học phần tự chọn	4/10				
14.	SIS1021	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	2	25	5	0	
15.	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	26	4	0	
16.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>	2	20	10	0	
17.	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	25	5	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18.	SIS1023	Nhân học đại cương <i>General Anthropology</i>	2	25	5	0	
III		Khối kiến thức theo khối ngành	24				
III.1		Học phần bắt buộc	18				
19.	SIS2021	Di sản và các loại hình di sản ở Việt Nam <i>Heritage and Types of Vietnamese Heritage</i>	3	30	15	0	
20.	SIS2022	Đại cương Khảo cổ học với di sản <i>Introduction to Archaeology and Heritage</i>	3	30	15	0	
21.	SIS2023	Đại cương Văn hóa học với di sản <i>Overview of Culturology and Cultural Heritage</i>	3	30	15	0	
22.	GLO3093	Tài nguyên cảnh quan địa chất <i>Landscape resources</i>	3	30	10	5	GEO1050
23.	SIS2025	Đại cương kinh tế học với di sản <i>Introduction to the Economy and Heritage</i>	3	30	15	0	
24.	INT1007	Giới thiệu về công nghệ thông tin <i>Introduction to Information Technology</i>	3	15	30	0	
III.2		Học phần tự chọn	6/12				
25.	SIS2026	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam <i>Belief and Religions in Vietnam</i>	2	25	5	0	SIS2023
26.	SIS2027	Khái lược di sản Hán Nôm ở Việt Nam <i>Overview on the Sino-Nom documental Heritage of Vietnam</i>	2	25	5	0	
27.	SIS2028	Kiến trúc cổ và các đô thị cổ ở Việt Nam	2	25	5	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Ancient Vietnamese Architectures and Urbans</i>					
28.	SIS2029	Lễ hội và quản lí lễ hội ở Việt Nam <i>Festival and Festival Management in Vietnam</i>	2	25	5	0	SIS2023
29.	SIS2030	Ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam <i>Cultural and Language for Ethnic Minorities in Vietnam</i>	2	25	5	0	SIS2023
30.	SIS2031	Các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam <i>Arts in Vietnam</i>	2	25	5	0	SIS2021
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	22				
IV.1		Học phần bắt buộc	18				
31.	SIS3051	Công ước, pháp luật và thực thi chính sách về di sản <i>Convention, Law and Enforcement of Heritage Policy</i>	3	35	10	0	SIS2021
32.	SIS3052	Quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức và cơ quan di sản <i>Human Resource Management in the Heritage Organizations</i>	3	35	10	0	BSA2004
33.	SIS3053	Bảo tàng: lịch sử, lí thuyết và thực hành <i>Museum: History, Theory And Practice</i>	3	25	20	0	
34.	SIS3054	Phương pháp nghiên cứu khoa học và điền dã <i>Methods of Scientific Research and Fieldworks</i>	3	15	25	5	SIS2022
35.	SIS3055	Di sản và cộng đồng	3	25	20	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Heritage and Community</i>					
36.	SIS3003	Truyền thông Marketing tích hợp <i>Integrated Marketing Communication</i>	3	25	20	0	SIS2001
IV.2		Học phần tự chọn	4/10				
37.	SIS3056	Khởi sự kinh doanh <i>Start-up</i>	2	20	10	0	
38.	SIS3057	Công nghiệp văn hóa <i>Cultural Industry</i>	2	25	5	0	
39.	SIS3058	Thương hiệu, PR và quảng cáo <i>Branding, PR and Advertisement</i>	2	20	10	0	
40.	SIS3059	Marketing tài nguyên di sản <i>Marketing for Heritage Resources</i>	2	20	10	0	SIS2001
41.	SIS3060	Nhân học về di sản <i>Anthropology of Heritage</i>	2	20	10	0	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	49				
V.1		Học phần bắt buộc	20				
42.	SIS3061	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản vật thể <i>Preservation and Promotion The Value of Tangible Heritage</i>	3	30	15	0	SIS2021 SIS2022
43.	SIS3062	Bảo vệ và phát huy giá trị di sản phi vật thể <i>Safeguarding and Promoting Intangible Cultural Heritage</i>	3	25	20	0	SIS2021 SIS2023
44.	SIS3063	Du lịch di sản bền vững <i>Sustainable Heritage Tourism</i>	3	30	15	0	
45.	SIS3064	Quản trị doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực di sản <i>Corporate Governance</i>	3	20	25	0	BSA2004

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>of Heritage</i>					
46.	SIS3065	Một số ứng dụng công nghệ số trong quản lí và thực hành di sản <i>Application of Digital Technology in Managing and Practising Haritage</i>	5	35	40	0	
47.	SIS3066	Xây dựng và quản lí dự án di sản <i>Establishment and Management for Heritage Projects</i>	3	25	20	0	BSA2004
V.2		Học phần tự chọn	8/28				
V.2.1	<i>Các học phần chuyên sâu về bảo tàng, bảo tồn và các công cụ đánh giá</i>						
48.	SIS3067	Quản lí, trưng bày và bảo quản hiện vật <i>Management, Display and Preservation of Artifacts</i>	2	20	10	0	SIS3053
49.	SIS3068	Sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ di sản <i>Collecting, Inventorying and Establishing Heritage Records</i>	2	20	10	0	
50.	SIS3069	Nghề và làng nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam <i>Craft and Traditional Craft Village in Vietnam</i>	2	20	10	0	SIS2021
51.	SIS3070	Bảo tồn đa dạng sinh học trong khu vực di sản <i>Biodiversity Reservation in the Heritage Area</i>	2	20	10	0	SIS2021 GLO3093
52.	SIS3071	Đánh giá và bảo vệ di sản trong tác động của môi trường	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Assess and Protect Heritage with Environmental Impact</i>					
53.	SIS3072	Lượng giá kinh tế di sản <i>Heritage Economic Pricing</i>	2	20	10	0	SIS2025
	<i>Các học phần chuyên sâu về quản lí dự án, điều hành sự kiện và du lịch di sản</i>						
54.	SIS3073	Tổ chức sự kiện văn hóa <i>Culture Event Organization</i>	2	15	15	0	SIS2023
55.	SIS3074	Kỹ thuật quay phim và chụp ảnh cơ bản <i>Fundamental for Filming and Photograph</i>	2	10	20	0	
56.	SIS3075	Xây dựng sản phẩm truyền thông <i>Building Communication Product</i>	2	10	20	0	SIS2001
57.	SIS3020	Quản trị thương hiệu điểm đến <i>Destination Brand Management</i>	2	20	10	0	SIS2001
58.	SIS3005	Tư duy sáng tạo và phân biện <i>Creative and Critial Thinking</i>	2	15	15	0	
59.	SIS3076	Hướng dẫn du lịch di sản <i>Heritage Tourisms</i>	2	20	10	0	
60.	SIS3077	Nghiệp vụ gây quỹ tài trợ <i>Fundraising Business</i>	2	15	15	0	
61.	SIS3078	Seminar chuyên đề <i>Seminar</i>	2	5	25	0	
V.3		<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	15				
62.	SIS4006	Thực tập nghề nghiệp 1 <i>Internship 1</i>	5	15	60	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP Tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
63.	SIS4007	Thực tập nghề nghiệp 2 <i>Internship 2</i>	5	10	65	0	
64.	SIS4008	Thực tập nghề nghiệp 3 <i>Internship</i>	5	10	65	0	
V.4		Khóa luận tốt nghiệp	6				
65.	SIS4053	Khóa luận tốt nghiệp	6	10	80	0	
66.		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong 4 học phần)	6				
67.	SIS2021	Di sản và các loại hình di sản ở Việt Nam <i>Heritage And Types Of Vietnamese Heritage</i>	3	30	15	0	
68.	SIS3066	Xây dựng và quản lí dự án di sản <i>Establishment and Management for Heritage Projects</i>	3	25	20	0	
69.	SIS3061	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản vật thể <i>Preservation And Promotion The Value of Tangible Heritage</i>	3	30	15	0	
70.	SIS3062	Bảo vệ và phát huy giá trị di sản phi vật thể <i>Safeguarding And Promoting Intangible Cultural Heritage</i>	3	25	20	0	
		Tổng	130				

Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.